

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN DƯƠNG  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 20-5-2019  
V/v yêu cầu không công nhận quan hệ  
vợ chồng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Đỗ Văn Thư

**- Thư ký phiên toà:** Bà Đỗ Thị Tình- Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:** Bà Đặng Thị Thơ- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06, 20 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 438/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 và thông báo về việc tiếp tục xét xử số 45/2019/TB- TA ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị H; nơi cư trú: Số 22, tổ , phường Q, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đoàn Văn B; nơi cư trú: Thôn Đ, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn là bà Lâm Thị H trình bày:*

Bà và ông Đoàn Văn B chung sống với nhau từ năm 1992 do tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng cho đến nay hai bên không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy

định. Sau ngày cưới hai bên về sống tại gia đình ông Bằng ở thôn Đồng Hải, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông B không quan tâm đến gia đình có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến cuộc sống vợ chồng căng thẳng nghiêm trọng, không có hạnh phúc. Bản thân bà đã cố gắng khắc phục nhưng mâu thuẫn càng căng thẳng hơn. Do hôn nhân không có hạnh phúc nên từ năm 2013 bà và ông B đã sống ly thân cho đến nay, mỗi người một nơi không ai còn quan tâm và có trách nhiệm gì đến nhau nữa. Nay do tình cảm vợ chồng giữa bà và ông B không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không thể chung sống đoàn tụ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà và ông B là vợ chồng do hai bên không có đăng ký kết hôn theo quy định.

Về con chung: Bà và ông Đoàn Văn B có 02 con chung là Đoàn Thị H, sinh ngày 24 tháng 7 năm 1993 và Đoàn Thị H, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2004. Từ khi hai bên sống ly thân các con chung do bà nuôi dưỡng, bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung Đoàn Thị H sau ly hôn, về cấp dưỡng nuôi con chung bà và ông B tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Đoàn Thị H đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống của mình.

Về tài sản chung: Bà Lâm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung giữa bà và ông Đoàn Văn B trong vụ án.

*Tại bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn ông Đoàn Văn B trình bày:*

Ông Đoàn Văn B cũng có quan điểm đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà Lâm Thị H là vợ chồng do hai bên chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng cho đến nay chưa có đăng ký kết hôn theo quy định.

Về con chung: Ông và bà Lâm Thị H có 02 con chung họ tên, ngày tháng năm sinh của con chung bà H đã trình bày là chính xác. Ông đề nghị Tòa án giao con chung Đoàn Thị H cho bà H nuôi dưỡng sau ly hôn, việc cấp dưỡng nuôi con chung do ông và bà H tự thỏa thuận. Con chung Đoàn Thị H đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống của mình.

Về tài sản chung: Ông Đoàn Văn B có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết vì bà H là người làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thì bà H phải có trách nhiệm đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung giữa ông và bà H. Ông đã được nghe Thẩm phán giải quyết vụ án giải thích quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết về phần tài sản chung của ông và bà H trong vụ án. Nếu ông có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản thì ông phải có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết thì Tòa án mới có căn cứ giải quyết về phần tài sản chung giữa ông và bà H nhưng ông vẫn giữ nguyên quan điểm ông không yêu cầu Tòa án phải giải quyết, bà H phải có trách nhiệm làm rõ phần tài sản của hai bên trước khi Tòa án quyết định không công nhận bà H và ông là vợ chồng.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 28, 70, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 9, 14, 15, 16, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lâm Thị H và ông Đoàn Văn B. Về con chung: Giao con chung Đoàn Thị H, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2004 cho bà Lâm Thị H nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết, con chung Đoàn Thị H đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống của mình. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Bà Lâm Thị H phải nộp án phí sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của bà Lâm Thị H và ông Đoàn Văn B về thời gian, quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Bà H và ông B chung sống với nhau từ năm 1992 đến nay. Khi chung sống cả hai bên đều đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và Gia đình nhưng không đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do vậy, mặc dù bà Lâm Thị H và ông Đoàn Văn B đã có thời gian chung sống và có con chung nhưng căn cứ vào các điều 14, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì về mặt pháp lý không xác định bà Lâm Thị H và ông Đoàn Văn B là vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án bà H và ông B đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa hai bên là vợ chồng. Do vậy, căn cứ vào các điều 14, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị H và ông Đoàn Văn B, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lâm Thị H và ông Đoàn Văn B.

[2] Về con chung: Bà Lâm Thị H và ông Đoàn Văn B có hai con chung là Đoàn Thị H, sinh ngày, sinh ngày 24 tháng 7 năm 1993 và Đoàn Thị H, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2004. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H và ông B có quan điểm thống nhất đề nghị Tòa án giao con chung Đoàn Thị H cho bà H nuôi dưỡng sau ly hôn. Việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Căn cứ vào điều kiện nuôi dưỡng con chung, quan điểm của các đương sự, nguyện vọng con chung. Giao con chung Đoàn Thị H cho bà Lâm Thị H nuôi dưỡng sau ly hôn. Thời hạn nuôi dưỡng con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực

pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, Sau này các bên có yêu cầu, Tòa án giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Đối với con chung Đoàn Thị H đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống của mình

[3] Về tài sản chung: Bà Lâm Thị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đối với ông Đoàn Văn B tại bản tự khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa ông Bằng có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung giữa ông và bà H nhưng ông yêu cầu bà H phải có trách nhiệm giải quyết về phần tài sản chung của hai bên trước khi Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho ông B biết việc bà H có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung giữa ông và bà H nên Tòa án không có căn cứ xem xét giải quyết nếu ông có yêu cầu thì phải có đơn đề nghị Tòa án xem xét nhưng ông B vẫn giữ quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng không xem xét giải quyết, sau này hai bên có tranh chấp và có yêu cầu Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí: Bà Lâm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[5] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Bà Lâm Thị H và ông Đoàn Văn B có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ các điều 9, 14, 15, 16, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lâm Thị H và ông Đoàn Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung Đoàn Thị H, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2004 cho bà Lâm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi dưỡng con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Đối với con chung Đoàn Thị H đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống của mình

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Hội đồng không xem xét giải quyết, sau này hai bên có tranh chấp và có yêu cầu Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

5. Về án phí: Bà Lâm Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0015488 ngày 14 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Bà Lâm Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bà Lâm Thị H và ông Đoàn Văn B được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hương**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Lợi      Đỗ Văn Thư**

**Nguyễn Thị Thu Hương**

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã An Hưng (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hương**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Tuân      Nguyễn Thị Lợi**

**Trương Minh Huế**

***Nơi nhận:***

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã Đồng Thái, An Dương, HP;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trương Minh Huế**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Tuân      Nguyễn Thị Lợi**

**Trương Minh Huế**

***Nơi nhận:***

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND TT An Dương, An Dương, HP  
(nơi đăng ký kết hôn);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Minh Huế**















